

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước
năm 2026, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ NĂM
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2026 về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2026, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 192/BC-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Tuyên Quang đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Tuyên Quang nguồn vốn vay lại của Dự án Đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, phường Mỹ Lâm tại số thứ tự 1.2, khoản 1, Mục I, Biểu số 04 kèm theo Nghị quyết số 101/NQ-HĐND, với số vốn 9.027,8 triệu đồng.

2. Bổ sung vào Danh mục Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Tuyên Quang đối với Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Hà Giang số thứ tự 1.2 vào sau số thứ tự 1.1, khoản 1, điểm a, Mục III, Biểu số 04 kèm theo Nghị quyết số 101/NQ-HĐND và phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn vốn vay lại năm 2026 cho dự án, với tổng số vốn 9.027,8 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XX, kỳ họp thứ năm (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025					Kế hoạch vốn năm 2026				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2026					Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh										
			Tổng mức đầu tư					Trong đó:					Trong đó:				Giảm (-)		Tăng (+)			Trong đó:										
																	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài (tính theo tỷ lệ Hiệp định)		Vốn đối ứng NSDP					Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng NSDP		Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW		
																	Tổng số	Trong đó: NSDP và các nguồn vốn khác	Nguyên tệ	Quy đổi ra VND	Tổng số					Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW
Số quyết định ngày/tháng/năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng NSDP	Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng NSDP	Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng NSDP	Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Vay lại										
	TỔNG SỐ		1,999,566.0	465,833.0	465,833.0	32.5	1,533,733.0	933,370.7	206,799.5	146,316.4	661,917.9	64,653.3	116,368.0	23,511.0	50,000.0	42,857.0	9,027.8			9,027.8	9,027.8			116,368.0	23,511.0	50,000.0	42,857.0					
I	Ngành lĩnh vực Giao thông		996,866.0	220,483.0	220,483.0	32.5	776,383.0	5,417.1	5,417.1				116,368.0	23,511.0	50,000.0	42,857.0	9,027.8			9,027.8				107,340.2	23,511.0	50,000.0	33,829.2					
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 và hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2026-2030		996,866.0	220,483.0	220,483.0	32.5	776,383.0	5,417.1	5,417.1				116,368.0	23,511.0	50,000.0	42,857.0	9,027.8			9,027.8				107,340.2	23,511.0	50,000.0	33,829.2					
1.2	Dự án Đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, phường Mỹ Lâm	7899615	586/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	996,866.0	220,483.0	220,483.0	32.5	776,383.0	5,417.1	5,417.1				116,368.0	23,511.0	50,000.0	42,857.0	9,027.8			9,027.8				107,340.2	23,511.0	50,000.0	33,829.2				
III	Ngành, lĩnh vực phát triển đô thị		1,002,700.0	245,350.0	245,350.0		757,350.0	927,953.6	201,382.4	146,316.4	661,917.9	64,653.3								9,027.8			9,027.8	9,027.8			9,027.8					
a	Dự án đầu tư trước năm 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		1,002,700.0	245,350.0	245,350.0		757,350.0	927,953.6	201,382.4	146,316.4	661,917.9	64,653.3								9,027.8			9,027.8	9,027.8			9,027.8					
1	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																															
1.2	Dự án Hà tăng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Hà Giang	7642546	2755/13/12/2018; 1707/28/8/2017 2243/29/10/2021; 467/27/3/2023; 830/30/5/2023; 1411/08/8/2023	1,002,700.0	245,350.0	245,350.0		757,350.0	927,953.6	201,382.4	146,316.4	661,917.9	64,653.3							9,027.8			9,027.8	9,027.8			9,027.8					